

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 2180/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “TrA chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Triệu Văn L**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số 194, tổ 40, khu phố 4, phường T, TP.B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thuỳ A**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số 1739/59, khu phố 4, phường T, TP.B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 03 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 03 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Triệu Văn L và bà Nguyễn Thùy A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Văn L và bà Nguyễn Thùy A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Triệu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/10/2009 và Triệu Nguyễn Hải An, sinh ngày 04/01/2016.

Ly hôn, giao cả hai cháu Bảo A và Hải An cho bà Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung 10.000.000 đồng/tháng, cụ thể, mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng thì kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông L tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000690 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Ủy ban nhân dân xã P
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm